

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số loại tài sản như: tàu thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP Ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội ký Quyết định ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại tài sản như: tàu, thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 8811/UBND-KT ngày 17/10/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số tài sản;

Căn cứ biên bản liên ngành gồm Sở Tài chính và Cục thuế Hà Nội ngày 02/5/2013 về việc thống nhất mức giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại ô tô, xe máy áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội trên cơ sở thông báo giá của các tổ chức sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu ô tô, xe máy, giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự trên thị trường Thành phố Hà Nội ở thời điểm hiện tại,

Xét đề nghị của Ban giá, Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại ô tô cụ thể như sau:

TT	Loại tài sản	Năm SX	Giá đề xuất xe mới 100% (Triệu VNĐ)
I/ Xác định giá căn cứ văn bản thông báo giá của các cơ sở sản xuất, nhập khẩu:			
	1. Xe nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÂN HIỆU BMW		
1	BMW 320i; 1997 cc; 05 chỗ	2013	1,397
2	BMW 520i; 1997 cc; 05 chỗ	2013	2,094
	NHÂN HIỆU LUXGEN		
1	LUXGEN 7CEO; 2198 cc; 04 chỗ	2010	470
II/ Xác định giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự:			
	1. Xe nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÂN HIỆU TOYOTA		
1	TOYOTA 4 RUNNER SR5; 2694 cc; 07 chỗ	2008	1,078
2	TOYOTA XA; 1497 cc; 05 chỗ	2005	577
3	TOYOTA LANDCRUISER PRADO GX; 2694 cc; 08 chỗ	2007	1,200
4	TOYOTA LANDCRUISER PRADO GX; 2694 cc; 08 chỗ	2006	960
	NHÂN HIỆU MERCEDES		
1	MERCEDES-BENZ GLK 280 4MATIC; 2996 cc; 05 chỗ	2009	1,618
	NHÂN HIỆU MITSUBISHI		
1	MITSUBISHI DIAMANTE-LS; 3496 cc; 05 chỗ	2002	740
	NHÂN HIỆU DAEWOO		
1	DAEWOO LANOS SX; 1498 cc; 05 chỗ	2001	240
2	DAEWOO LACETTI; 1598 cc; 05 chỗ	2011	474
	NHÂN HIỆU NISSAN		
1	NISSAN QASHQAI LE AWD; 1997 cc; 05 chỗ	2012	1280

Điều 2. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại xe máy cụ thể như sau:

	Loại tài sản		Giá xe mới 100% (Triệu VNĐ)
I/ Xác định giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự:			
	1. Xe mô tô nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÂN HIỆU SUZUKI		
1	SUZUKI SATRIA 120 S		22,5
	NHÂN HIỆU KAWASAKI		
1	KAWASAKI Z1000 ABS (ZRT00D); 1043 cc		505
	2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước		
	NHÂN HIỆU SUZUKI		
1	SUZUKI VIVA 115 FI FV115LB		21
2	SUZUKI VIVA 115 FI FV115LE		22,5

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đối với việc tính, thu lệ phí trước bạ và được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các mức giá xe đã ban hành trái với mức giá quy định tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Ban giá, các phòng Thanh tra thuế, các phòng Kiểm tra thuế thuộc văn phòng Cục thuế, các Chi cục thuế quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục thuế;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Cục thuế Hà Nội (để p/hợp);
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Lưu VT. BG.



Lê Thị Loan